TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐĂK LĂK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2018/HNGĐ-ST
Ngày 07-5-2018
"*V/v Không công nhận là vợ chồng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐĂK LĂK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Thuấn.
*Các Hội thẩm nhân dân**:***
Bà: Nguyễn Thị Chinh.
Ông: Y Míp Niê.
*Thư ký phiên tòa**:*** Bà Nông Thị Thu Huyền - Thư ký Toà án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đăk Lăk.

Ngày 07 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 43/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2018 về việc " *Không công nhận là vợ chồng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐST - HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn**:** Chị Trương Thị T. Sinh năm: 1981. (Có mặt)
Địa chỉ: Thôn E, xã Đ, huyện K, tỉnh Đ.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Đình B - Luật sư của văn phòng luật sư Đ, thuộc đoàn luật sư tỉnh Đ. (Có mặt)
Địa chỉ: 361 H, Phường A, Tx B, tỉnh Đ.
2. Bị đơn: Anh Ngọc Văn T. Sinh năm: 1978. (Có mặt)
Địa chỉ: Thôn E, xã Đ, huyện K, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/3/2018, các lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trương Thị T trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Tháng 9/1999 chị và anh Ngọc Văn T tự nguyện cưới nhau theo phong tục tập quán, do hiểu biết pháp luật kém nên từ đó đến nay không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2006 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là anh chị không cùng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, chửi bới nhau chỉ vì những lý do nhỏ nhặt. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng đã hết, không muốn tiếp tục chung sống với anh Ngọc Văn T nữa. Vì vậy, chị Tấm yêu cầu tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Ngọc văn T.

Về con chung: Chị và anh Ngọc Văn T có 02 con chung là: cháu Ngọc Hữu

Đ, sinh ngày 11/4/2001; cháu Ngọc Thị Khánh L, sinh ngày 02/4/2006.

Chị đề nghị tòa án giải quyết cho được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ngọc Thị Khánh L, còn anh Ngọc Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ngọc Hữu Đ đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng: Chị và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Theo đơn khởi kiện chị yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Trong quá trình giải quyết chị và anh T đã tự thỏa thuận nên chị làm đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu phân chia tài sản chung và nợ chung. Vì vậy, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Ngọc Văn T tại bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa trình bày có nội dung như sau: Tháng 9/1999 anh và chị Trương Thị T cưới nhau theo phong tục tập quán, do hiểu biết pháp luật kém nên từ đó đến nay không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn. Vợ chồng không cùng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, chửi bới nhau, tình cảm vợ chồng đã hết, cuộc sống chung không thể tiếp tục. Vì vậy, chị Trương Thị T yêu cầu tòa án giải quyết không công nhận quan hệ là vợ chồng với anh thì anh T chấp nhận.

Về con chung: Anh và chị Trương Thị T có 02 con chung là: cháu Ngọc Hữu Đ, sinh ngày 11/4/2001; cháu Ngọc Thị Khánh L, sinh ngày 02/4/2006.

Anh đồng ý trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ngọc Hữu Đ, còn chị Trương Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ngọc Thị Khánh L đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng: Anh và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị T tự nguyện thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình B trình bày như sau:

Tháng 9/1999 chị T và anh T cưới nhau theo phong tục tập quán, nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, hay cãi vã nhau. Chị T và anh T đều thừa nhận không còn tình cảm với nhau và anh T cùng đồng ý với yêu cầu của chị T không công nhận anh chị là vợ chồng. Vì vậy, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Tấm, không công nhận chị T và anh T là vợ chồng.

Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị T và anh T tự nguyện thỏa thuận với nhau về nuôi con: Chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ngọc Thị Khánh L, sinh ngày 02/4/2006 còn anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ngọc Hữu Đ, sinh ngày 11/4/2001. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án chị T đã làm đơn xin rút nột phần yêu cầu phân chia tài sản chung và nợ chung. Chị T và anh T đã tự nguyện thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Trương Thị T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị với anh Ngọc Văn T. Đây là vụ án "Tranh chấp về hôn nhân gia đình" theo quy định tại khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và bị đơn: Từ năm 1999 đến nay, chị Trương Thị T và anh Ngọc Văn T chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình sống chung vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Chị Trương Thị T có yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Ngọc Văn T. Như vậy, việc chung sống của chị Trương Thị T và anh Ngọc Văn T đã vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình; Mục đích chung sống giữa hai người không đạt được. Tại phiên tòa chị Trương Thị T và anh Ngọc Văn T đều đề nghị Toà án không công nhận anh, chị là vợ chồng. Do vậy, HĐXX thấy yêu cầu của chị Trương Thị T đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh T là có căn cứ pháp luật, cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống chị Trương Thị T và anh Ngọc Văn T có 02 con chung là: cháu Ngọc Hữu Đ, sinh ngày 11/4/2001; cháu Ngọc Thị Khánh L, sinh ngày 02/4/2006. Trong quá trình giải quyết vụ án chị T và anh T thỏa thuận, chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ngọc Thị Khánh L, còn anh Ngọc Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ngọc Hữu Đ đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy thỏa thuận của chị T và anh T là tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của cháu L là muốn ở với mẹ và cháu Đ là muốn ở với bố nên cần chấp nhận.

Về cấp dưỡng: Chị Trương Thị T và anh Ngọc Văn T không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trương Thị T và anh Ngọc Văn T không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trương Thị T phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận là vợ chồng giữa chị Trương Thị T và anh Ngọc Văn T.

2. Về con chung: Chị Trương Thị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ngọc Thị Khánh L, sinh ngày 02/4/2006 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Ngọc Văn T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ngọc Hữu Đ, sinh ngày 11/4/2001 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Chị Trương Thị T và anh Ngọc Văn T có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Chị Trương Thị T và anh Ngọc Văn T không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trương Thị T và anh Ngọc Văn T không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trương Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2017/0002461 ngày 08/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K. Hoàn trả cho chị Trương Thị T số tiền 6.000.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đ;*
- *VKSND huyện K;*
- *Chi cục THADS huyện K;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu Hồ sơ, Vp.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ XƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Minh Thuấn